

Bản án số: 349/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22/7/2022.

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bích Liên.

2. Bà Phạm Kim Tuyền.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè: Bà Lê Thị Ngọc Hân – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2021/TLST-HNGĐ ngày 26/4/2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 577/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần C, sinh năm 1995 (*Có mặt*).

Địa chỉ: ấp H, xã N, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn H, sinh năm 1995 (*Vắng mặt*).

Địa chỉ: ấp H, xã N, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03/7/2021, bản tự khai ngày 05/5/2021, lời trình bày tại các biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Trần C trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Bà Trần C và ông Nguyễn H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 89/2014 quyền số 01/2014 ngày 02/7/2014 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè, Thành Phố Hồ Chí Minh

Thời gian chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Khoảng năm 2016 ông H không còn quan tâm, chăm sóc gia đình mà sinh tật ăn chơi, đi chơi bất kể ngày đêm, luôn kiếm chuyện hành hạ, đánh đập bà vô cớ, bà và gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông H vẫn chứng nào tật nấy. Hiện nay ông H nghiện ma túy và đã bị bắt đi cai nghiện.

Nay, bà C xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn ông Nguyễn H

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn A, sinh ngày 23/10/2015. Bà C có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Đương sự xác định không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Đương sự xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà tự nguyện nộp toàn bộ án phí sơ thẩm. Ngoài ra, không yêu cầu gì thêm.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để mời ông Nguyễn H trình bày ý kiến hay đưa ra các yêu cầu của mình, đồng thời tham gia hòa giải để hàn gắn gia đình với bà C. Tuy nhiên ông Nguyễn H có đơn xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án do đó mở phiên tòa xét xử hôm nay.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán kể từ khi thụ lý vụ và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xét xử vắng mặt đương sự đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ tại phiên tòa hôm nay, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà C là hoàn toàn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 89/2014 quyền số 01/2014 ngày 02/7/2014 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè, Thành Phố Hồ Chí Minh thì bà Trần C và ông Nguyễn H có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nay bà C có yêu cầu ly hôn là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bà Trần C yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn H. Do ông H đang cư trú tại địa chỉ ấp H, xã N, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Xét trong quá trình chung sống bà C và ông H thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn do thường xuyên cãi nhau, hiện vợ chồng không còn chung sống với nhau, trong thời gian ly thân, mạnh ai nấy sống không ai quan tâm đến ai, không ai tạo điều kiện đoàn tụ. Nay bà C xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu được ly hôn cùng ông H.

Hội đồng xét xử xét thấy, giữa bà C và ông H trong quá trình sống chung thường xuyên phát sinh cãi vã, thiếu sự quan tâm, yêu thương nhau trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng dẫn đến không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn A, sinh ngày 23/10/2015. Bà C có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Xét ông H hiện đang chấp hành Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 121/2021/QĐ-TA ngày 14/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè nên không có điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của trẻ, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho bà C tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[3.3] Về tài sản chung: Đương sự xác định không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Đương sự xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà Trần C tự nguyện nộp, được căn trừ vào tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số AA/2019/0073544 ngày 26/4/2021 của Cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, bà C đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 và Điều 39, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 85 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần C. Xử cho bà Trần C được ly hôn với ông Nguyễn H.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn A, sinh ngày 23/10/2015. Giao con chung là trẻ Nguyễn Trần Mỹ An, sinh ngày 23/10/2015 cho bà Trần C tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận việc bà C không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Bà Trần C có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi khi ông Nguyễn H đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi của con khi cần thiết, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Trần C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này bà Trần C và ông Nguyễn H có yêu cầu sẽ được xem xét trong vụ kiện khác.

- Về nợ chung: Bà Trần C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này bà Trần C và ông Nguyễn H có yêu cầu sẽ được xem xét trong vụ kiện khác.

2/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà Trần C tự nguyện nộp, được căn trừ vào tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số AA/2019/0073544 ngày 26/4/2021 của Cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, bà C đã nộp đủ án phí.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4/ Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Cục THADS huyện Nhà Bè;
- UBND thị trấn Nhà Bè, huyện nhà Bè;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thanh Loan